

Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày 31 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An, ông Nguyễn Quang Bằng và ông Nguyễn Xuân Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2020/TLST- HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Tô Anh Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06 tháng 05 năm 1987 tại huyện Đ, tỉnh Đ; nơi ĐKKHKT: Đội 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Tô Văn Đ và bà Đặng Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt tại phiên tòa).

2. Cao Hải S (tên gọi khác: Không); sinh ngày 05 tháng 01 năm 1982, tại huyện D, tỉnh N; nơi ĐKKHKT: Xóm 4 - xã D - huyện D - tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Cao Xuân M và bà Cao Thị T; có vợ là Hà Thị X và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt tại phiên tòa).

3. Ngô Hồng Q (tên gọi khác: Không); sinh ngày 20 tháng 08 năm 1981, tại thị xã T, tỉnh N; nơi ĐKKHKT: Khối chế biến lâm sản 3, phường Q, thị xã T, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; giới tính: Nam; quốc tịch:

Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Ngô Xuân Q và bà Lê Thị V; có vợ là Điền Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Tô Anh Đ:* Bà Nguyễn Thị T- Luật sư Văn phòng luật sư Vĩnh Phú, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Số 35 đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Cao Hải S và Ngô Hồng Q:* Bà Lê Thị H- Luật sư Văn phòng luật sư V, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Số 35 đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 3/2019, Tô Anh Đ và Cao Hải S có gặp một phụ nữ là bạn Đ tên là T (tên gọi khác là N) tại TP.Đ, tỉnh Đ (Đ và S không biết họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể của T). T đã đặt vấn đề với Đ và S tìm mua ma túy tổng hợp (hồng phiến) ở Lào đem về Việt Nam bán cho T. Sau đó, Đ và S sang Lào làm ăn.

Đến khoảng giữa tháng 3/2019, Cao Hải S và Tô Anh Đ có liên lạc với nhau để hỏi nhau về việc tìm mua ma túy, S có nói với Đ là đã có tiền và tìm được chỗ mua ma túy, bảo Đ đến tỉnh L, Lào để gặp S và cùng đi mua ma túy đem về Việt Nam bán. Đ lúc đó đang làm thuê tại tỉnh P, Lào. Sau khi nghe S nói vậy, Đ rủ thêm Ngô Hồng Q đang làm thuê ở đó đi cùng Đ đến M, tỉnh L, Lào để tìm mua ma túy đem về Việt Nam bán, Q đồng ý đi cùng Đ. Khi Đ và Q đến M, tỉnh L, Lào có gặp Cao Hải S và bạn gái S là Cà Thị H. S, H đã đưa Đ, Q đến nhà một người đàn ông quốc tịch Lào mà S thường gọi là bố, khoảng 50 tuổi, làm nghề sửa chữa ô tô (S khai người này tên là Đ) ăn cơm, làm quen và đặt mua ma túy (hồng phiến). Khi sang Lào, do không có vốn để làm ăn, buôn bán nên S có gọi điện thoại về vay tiền của bố mẹ và nhờ Cao Hải H, sinh năm 1989, đăng ký HKTT: Xóm 4, xã D, huyện D, tỉnh N là em trai của S và bảo H đem 230.000.000đ tiền từ Việt Nam sang Lào đưa cho S để S làm ăn, buôn bán (buôn xoong, nôi).

Do Đ, S, Q đều không có tiền để mua ma túy, nên S đã sử dụng số tiền do H mang từ Việt Nam sang Lào để S làm ăn để cùng với Đ và Q mua ma túy đem về Việt Nam bán trái phép. S dùng 66.300.000 kíp Lào mua được 10 bó bằng 100 túi ma túy (H phiến) của người đàn ông quốc tịch Lào tên Đ1 nói trên, ma túy được đóng gói vào trong các vỏ hộp cháo dinh dưỡng Trung Quốc, cất giấu cùng các hộp cháo dinh dưỡng khác và để trong 02 (hai) thùng cháo dinh dưỡng được dán kín bên ngoài. Sau đó, S, Đ ra bến xe nhận ma túy về rồi giao cho Q. Còn Đ và S đi bằng xe máy và xe ô tô khách về Việt Nam. H bắt xe đi Udomsay chơi với bạn,

sau đó đi về Điện Biên rồi đi Sơn La chơi, ngày 31/3/2019, S có gọi điện thoại cho H nhờ H đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để đem giúp S đồ đạc về quê N cho vợ và con S. Sau đó H bắt xe ô tô đi từ S La đến trưa ngày 01/4/2019, thì đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Đêm ngày 27/3/2019, Q mang theo số ma túy bắt xe ô tô khách đi về Mường Khoa – Phong Sa Lý, khi Q lên xe ô tô thì thấy H ngồi trên xe (hai người ngồi ở hai vị trí xa nhau và không nói chuyện gì với nhau). Đến rạng sáng ngày 28/3/2019, Q về đến Mường Khoa – Phong Sa Lý, chiều 28/3/2019, Q mang theo số ma túy đi về PomLot – Điện Biên thì gặp S và Đức. Chiều 29/3/2019, Đức và S bắt xe ô tô khách đi đến tỉnh Vĩnh Phúc, đến sáng ngày 30/3/2019, thì đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Chiều ngày 30/3/2019, Q mang theo số ma túy bắt xe ô tô khách đi đến tỉnh Vĩnh Phúc, đến sáng ngày 31/3/2019, thì đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi về đến Việt Nam, S và Đức liên lạc với Thu (Nhài) và hẹn gặp nhau tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để mua bán ma túy. Đến sáng ngày 30/3/2019, Đức và S đi xe ô tô khách đến tỉnh Vĩnh Phúc và đi đến thị trấn T, huyện T thuê 01 phòng của 01 nhà nghỉ không rõ tên để nghỉ. Sau khi đi đến thị trấn T, huyện T, Q thuê 01 phòng nghỉ của nhà không biết tên để nghỉ. Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 01/4/2019, Q mang số ma túy đi gặp Đức và S và được Đức và S thuê cho Q một phòng nghỉ của nhà nghỉ không rõ tên (không ở cùng S và Đức). Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày 01/4/2019, do chưa liên lạc được với Thu (Nhài) nên Đức đi đến gặp Q và nói cho Q biết là chưa bán được hàng (ma túy) nên chuyển nhà nghỉ khác. Lúc này Q bóc bỏ vỏ hộp bìa cát tông, lấy toàn bộ số ma túy cất vào trong ba lô đựng quần áo của Q rồi đi thuê phòng số 201 của một nhà nghỉ không biết tên cách xa nhà nghỉ cũ để nghỉ. Đến khoảng 16 giờ ngày 02/4/2019, sau khi liên lạc được với T và gặp nhau tại phòng 513 khách sạn T1, Đức và Thu thỏa thuận 160.000.000đ/01 túi ma túy, 10 túi = 1.600.000.000đ, sau khi kiểm tiền xong. Đ gọi điện thoại cho Q và bảo Q mang hàng (ma túy) đến phòng số 513 khách sạn Thế Giới Xanh để bán. Q mang theo chiếc ba lô chứa ma túy đi đến phòng 513 khách sạn Thế Giới Xanh thì gặp Đ, T (Nhài) và một người nam giới không quen biết đang ở trong phòng. Khi Đ và Q đang lấy ma túy ra cho T (Nhài) xem thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện, bắt quả tang. Lợi dụng sơ hở trong quá trình bắt quả tang, Thu (Nhài) và người nam giới mang theo toàn bộ số tiền bỏ chạy thoát. Cao Hải S khi đó đang đợi ở dưới tầng một của khách sạn cũng đã bị lực lượng Công an giữ lại đưa về trụ sở cơ quan Công an làm việc.

Vật chứng cơ quan công an đã thu giữ gồm: 10 (mười) hộp sắt hình trụ tròn có kích thước cao 12 cm, đường kính 6,5cm, bên trong mỗi hộp sắt đều có đựng các gói nilon màu xanh và màu H có kích thước 09 x 07 cm. Trong các túi nilon nói trên đều có chứa các viên nén màu H và màu xanh, trên mỗi mặt của mỗi viên

nén đều có in chìm ký tự “WY” (không kiểm đếm số lượng viên nén cụ thể). Đức và Q đều khai đó là ma túy tổng hợp của Đức và Q đem đi để bán, nhưng chưa bán được thì bị bắt quả tang. Vật chứng được niêm phong trong một hộp giấy theo thủ tục pháp luật, ký hiệu A1.

Ngày 03/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Cao Hải S, Tô Anh Đ và Ngô Hồng Q.

Ngày 03/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật, tài sản của Ngô H Q tại TX.Thái Hòa, tỉnh N và Cao Hải S tại huyện D, tỉnh N. Kết quả khám xét: Điều không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Ngày 02/04/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu giám định số 173 gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc để giám định chất ma túy thu giữ được trong vụ án (đã niêm phong ký hiệu là A1).

Tại bản Kết luận quả giám định số: 571/KLGĐ, ngày 06/04/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận:

“Mẫu ký hiệu A1 gửi giám định có tổng số là 19.857 viên nén (trong đó có 19.662 viên nén màu H và 195 viên nén màu xanh). Tổng khối lượng của 19.857 viên nén của mẫu ký hiệu A1 là 1961,4662gam, không kể bao bì là ma túy lẫn tạp chất, loại Methamphetamine. Khối lượng Methamphetamine có trong 1961,4662 gam mẫu gửi giám định là 282,5267 gam (Hai trăm tám mươi hai phẩy năm hai sáu bảy gam).

Hoàn lại mẫu vật sau giám định là: 1838,5648 gam mẫu, cùng toàn bộ bao gói niêm phong”.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc còn thu giữ:

- Thu giữ của Tô Anh Đ: 01 (một) chiếc túi vải dạng ba lô màu nâu có in chữ BIAOWANG; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh và số tiền 190.000 đồng.

- Thu giữ của Ngô Hồng Q: 01 (một) chiếc túi vải dạng ba lô màu ghi có in chữ Hoàng Hà DODA; 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu, bên trong ví có số tiền 240.000 đồng, 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên Ngô Hồng Q, 01(một) thẻ ATM mang tên Ngô Hồng Q của ngân hàng LAOVIET Bank; 01 (một) hộ chiếu mang tên Ngô Hồng Q; 02 (hai) chiếc điện thoại di động có nhãn hiệu là Mobistar vỏ màu đỏ đen và Unitel vỏ màu vàng đồng đã cũ.

- Thu giữ của Cao Hải S gồm:

- + 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu vàng đồng.

- + 01 (một) túi xách giả da màu nâu có dây đeo, bên trong túi xách có những đồ vật gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu đen đã cũ bị hỏng nguồn; 01 (một) ví giả da màu nâu, bên trong ví có 01 (một) giấy chứng

minh nhân dân và 01 (một) giấy phép lái xe đều mang tên Cao Hải S; 02 (hai) hộ chiếu đều mang tên Cao Hải S; 01 (một) hộ chiếu mang tên Tô Anh Đ; 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu đen đã cũ, bên trong ví có 01 (một) giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) giấy phép lái xe đều mang tên Tô Anh Đ, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Hồng Q và 01 (một) thẻ bìa cứng ghi chữ của nước Lào.

Về nguồn gốc số ma túy, các bị cáo Cao Hải S, Tô Anh Đ, Ngô Hồng Q khai nhận mua của một người nam giới quốc tịch Lào tên là Đ1, khoảng 50 tuổi, làm nghề sửa chữa ô tô tại M, tỉnh L, Lào, nhưng các bị cáo đều khai không biết rõ họ, tên, năm sinh, địa chỉ nơi ở cụ thể của Đ1 như thế nào. Ngày 04/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc ban hành văn bản yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự số 737 gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị hỗ trợ tư pháp về việc xác minh nhân thân, lý lịch đối với đối tượng Đ1. Ngày 25/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có văn bản số 5665 gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hỗ trợ thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp đối với vụ án hình sự về tội Mua bán trái phép chất ma túy xảy ra tại tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam. Ngày 03/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ban hành Văn bản số 005 về việc trả lời kết quả tổ chức thực hiện yêu cầu hợp tác tư pháp về vấn đề hình sự có nội dung: *“Qua thu thập thông tin, bằng chứng của VKSND tỉnh L phối hợp chặt chẽ với Phòng KSND khu vực II, huyện Sings, Phòng công an huyện Sings và chính quyền địa phương nhận thấy: không có đối tượng Đ1 trong danh sách và không thấy đối tượng xuất hiện tại huyện Sings, tỉnh L”*. Do vậy, không có đủ căn cứ để xử lý đối tượng tên Đ1 trong vụ án này.

Đối với người phụ nữ tên T (tên gọi khác N) và người nam giới đi cùng T (N) đến thị trấn T - huyện T - tỉnh Vĩnh Phúc để gặp và mua ma túy của Tô Anh Đ, Ngô Hồng Q và Cao Hải S vào ngày 02/4/2019. Các bị cáo đều khai không biết rõ họ, tên, tuổi, mối quan hệ gia đình. Chỉ biết T ở phường C, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, số điện thoại T hay liên lạc với bị cáo Đ và S là 0352585880. Còn người nam giới đi cùng T thì không biết tên là gì, ở đâu. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành xác minh tại Công an xã T, thành phố Đ, tỉnh Đ xác định: Khu C là địa giới hành chính của xã T, TP Đ, tỉnh Điện Biên, từ năm 2004 khu C được đổi tên thành Tổ dân phố 2, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Xác minh trên địa bàn không có ai là T tên thường gọi là N sinh sống trên địa bàn.

Đối với số điện 0352585880 (theo lời khai của bị cáo Đ và S) là số điện thoại của T liên lạc với bị cáo Đ và S. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành xác minh, xác định: số điện thoại trên là của chị Nguyễn Thị D sinh năm 1979, trú quán tại Đ, T, Quảng Ninh, số chứng minh thư nhân dân đăng ký là 0301790036678. Chị D cho biết: Chị đang dùng 02 số điện thoại di động là 0936958670 và 0826398356, ngoài ra chị không sử dụng số điện thoại nào khác.

Số điện thoại 0352585880 chị không dùng bao giờ và cũng không biết của ai. Chị không sử dụng chứng minh thư nhân dân số 030179003678, hiện chị chỉ có duy nhất 01 căn cước công dân số 030179003678. Chị không biết và không quen ai tên T. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục điều tra khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với Cao Hải H, sinh năm 1989, nơi đăng ký HKTT: Xóm 4, xã D, huyện D, tỉnh N là em trai ruột của bị cáo Cao Hải S. H là người đem tiền sang Lào đưa cho S, sau đó S đã sử dụng tiền này mua ma túy đem về Việt Nam bán thì bị bắt quả tang; thời điểm CQĐT bắt quả tang S, Đức, Q bán ma túy tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thì H cũng có mặt tại thị trấn T. Kết quả điều tra xác định: Khi H đem tiền sang Lào đưa cho S thì H không biết là S sử dụng tiền này vào việc mua ma túy (S cũng không nói cho H biết việc mua bán ma túy của mình). Trước khi các đối tượng bị bắt quả tang thì S có gọi điện thoại cho H bảo H đến thị trấn T, huyện T để nhờ H đem quà về cho gia đình ở quê; H không biết việc S, Đ, Q đến thị trấn T, huyện T để bán ma túy. Do đó, chưa đủ cơ sở để xử lý về hình sự đối với H.

Đối với Cà Thị H, sinh năm 1984, nơi đăng ký HKTT: Xã M, huyện M, tỉnh Đ là bạn gái của Cao Hải S. H là người ở cùng S trong thời gian S, Đức, Q ở bên Lào mua ma túy để đem về Việt Nam bán. Tô Anh Đ khai rằng, Đức nghe thấy S bảo H tham gia cùng các bị cáo vận chuyển ma túy. Tuy vậy, S khai rằng S không nói như vậy, còn H thì không khai nhận gì; do đó, chưa đủ căn cứ để xác định lời khai của Đ là đúng sự thật. Ngô Hồng Q khai rằng H là người đi cùng Q theo xe ô tô khách ở bên Lào để giám sát ma túy khi Q thực hiện nhiệm vụ vận chuyển ma túy. Tuy vậy, ngoài lời khai của Q thì cũng không có chứng cứ nào khác phù hợp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc cũng không triệu tập được H để làm việc và đấu tranh làm rõ được do H vắng mặt tại địa phương, không ai biết rõ hiện H đi đâu, làm gì. Do đó, việc CQĐT tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau đối với H.

Về nguồn gốc số tiền mà các bị cáo Cao Hải S, Tô Anh Đ, Ngô Hồng Q dùng để mua số ma túy là do bố mẹ đẻ của Cao Hải S là ông Cao Xuân M, sinh năm 1957 và bà Cao Thị T sinh năm: 1958 đều đăng ký HKTT tại: Xóm 4, xã D, huyện D, tỉnh N đã vay tiền từ Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện D, tỉnh N rồi bảo Cao Hải H đem tiền sang Lào đưa cho Cao Hải S để S kinh doanh. Sau đó, S đã dùng số tiền này cùng với Đ, Q mua ma túy đem về Việt Nam bán trái phép. Tuy vậy, ông M, bà T hoàn toàn không biết và không liên quan gì đến việc các bị cáo S, Đ, Q đã dùng số tiền đó để mua bán trái phép chất ma túy. Do vậy CQĐT không đề cập xử lý đối với ông M, bà T trong vụ án.

Tại Cơ quan điều tra Tô Anh Đ, Cao Hải S và Ngô Hồng Q đều đã khai nhận rõ hành vi của mình như nội dung vụ án nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKS-P2 ngày 07 tháng 5 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Tô Anh Đ, Cao Hải S và Ngô Hồng Q tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Tô Anh Đ, Cao Hải S và Ngô Hồng Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Tô Anh Đ tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Cao Hải S tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Ngô Hồng Q tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Các bị cáo đều kinh tế khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý về vật chứng và tài sản bị thu giữ trong vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo Tô Anh Đ phát biểu quan điểm: Nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt đề xuất đối với Đ. Tuy nhiên, đề xuất xử phạt bị cáo tù chung thân là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh khó khăn của Đ phải đi làm thuê xa nhà, hiểu biết pháp luật hạn chế, lần đầu phạm tội, hành vi phạm tội được ngăn chặn kịp thời nên ma túy chưa gây hậu quả cho xã hội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt Tô Anh Đ 20 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Cao Hải S, Ngô Hồng Q phát biểu quan điểm: Bị cáo Cao Hải S, Ngô Hồng Q đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo do hoàn cảnh khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự. S có bố là thương binh, được tặng huân chương. Q thuộc hộ cận nghèo, có vai trò giúp sức. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251 xử phạt Cao Hải S 20 năm tù, xử phạt Ngô Hồng Q 18 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Tô Anh Đ, Cao Hải S và Ngô Hồng Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với kết luận giám định, phù hợp với vật chứng đã được thu giữ và với các tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 02/4/2019, sau khi liên lạc được với T và gặp nhau tại phòng 513 khách sạn Thế Giới Xanh, Đ và T thỏa thuận 160.000.000đ/bó ma túy, 10 bó = 1.600.000.000đ, sau khi xem tiền. Đ gọi điện thoại cho Q và bảo Q mang hàng (ma túy) đến phòng số 513 khách sạn Thế Giới Xanh để bán. Q mang theo chiếc ba lô chứa ma túy đi đến phòng 513 khách sạn Thế Giới Xanh thì gặp Đ, T (Nhài) và một người nam giới không quen biết đang ở trong phòng. Khi Đ và Q đang lấy ma túy ra cho T (Nhài) xem thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện, bắt quả tang. Lợi dụng sơ hở trong quá trình bắt quả tang, T (Nhài) và người nam giới mang theo toàn bộ số tiền bỏ chạy thoát. Cao Hải S khi đó đang đợi ở dưới tầng một của khách sạn cũng đã bị lực lượng Công an giữ lại đưa về trụ sở cơ quan Công an làm việc.

Vật chứng cơ quan công an đã thu giữ gồm: 10 (mười) hộp sắt hình trụ tròn có kích thước cao 12 cm, đường kính 6,5cm, bên trong mỗi hộp sắt đều có đựng các gói nilon màu xanh và màu H có kích thước 09 x 07 cm. Trong các túi nilon nói trên đều có chứa các viên nén màu H và màu xanh, trên mỗi mặt của mỗi viên nén đều có in chìm ký tự “WY” (không kiểm đếm số lượng viên nén cụ thể). Đức và Q đều khai đó là ma túy tổng hợp của Đ và Q đem đi để bán, nhưng chưa bán được thì bị bắt quả tang. Vật chứng được niêm phong trong một hộp giấy theo thủ tục pháp luật, ký hiệu A1. Qua giám định xác định các bị cáo đã mua bán 19.857 viên nén (trong đó có 19.662 viên nén màu H và 195 viên nén màu xanh). Tổng khối lượng của 19.857 viên nén của mẫu ký hiệu A1 là 1961,4662gam, không kể bao bì là ma túy lẫn tạp chất, loại Methamphetamine. Khối lượng Methamphetamine có trong 1961,4662 gam mẫu gửi giám định là 282,5267 gam. Các bị cáo khai nhận mục đích mua bán khối lượng ma túy trên để lấy tiền lãi chia nhau.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

“4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

a/...

b/ “Heroin, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên”

Các bị cáo đã thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Chất ma túy do Nhà nước độc quyền quản lý, các bị cáo không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép mua bán chất ma túy, nên hành vi tự ý mua bán chất ma túy của các bị cáo đã vi phạm trật tự quản lý chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng trật tự an ninh xã hội tại địa phương, là tiền đề cho việc sử dụng trái phép chất ma túy và gieo rắc các loại bệnh nguy hiểm. Ma túy làm huỷ hoại sức khỏe, nhân cách, ảnh hưởng đến giống nòi, là nguyên nhân phát sinh cho các loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo nhận biết được việc mình làm là trái với luật pháp quy định, thế nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội và còn mua bán ma túy (Methamphetamine) với một khối lượng lớn. Đặc biệt thời gian gần đây các loại tội phạm về ma túy đang có chiều hướng gia tăng, gây lo lắng và bức xúc trong nhân dân. Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử cần phải xử lý nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Trong vụ án này cũng cần xem xét yếu tố vụ án được phát hiện kịp thời, ngăn chặn được sự phát tán của ma túy ra xã hội; ma túy lẫn nhiều tạp chất, khối lượng Methamphetamine có trong 1961,4662 gam mẫu gửi giám định chỉ là 282,5267 gam để cân nhắc xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo Đ, S, Q đều chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi bị bắt các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cao Hải S có thời gian phục vụ trong Q đội từ tháng 01/2001 đến tháng 3/2003 đóng Q tại F324- N. Bố S là thương binh 4/4, được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba; Ngô Hồng Q có cố nội là cụ Võ Thị Sáu được Nhà nước truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam anh hùng; ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bố được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên S và Q được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Trong vụ án này các bị cáo Đ, S, Q là đồng phạm trong việc mua bán trái phép chất ma túy nhằm kiếm tiền lãi chia nhau. S là người liên lạc và ứng tiền để mua ma túy bên Lào. Đ là người rủ Q tham gia với vai trò vận chuyển ma túy qua biên giới từ Lào về Việt Nam để bán. Đ trực tiếp nhận ma túy ở bên Lào rồi giao cho Q vận chuyển ma túy về Việt Nam. Khi Q vận chuyển được ma túy từ Lào về đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thì S và Đ cùng nhau giao dịch để bán ma túy. Các bị cáo thỏa thuận bán được ma túy được lãi bao nhiêu tiền thì chia đều cho cả ba. Vai trò của các bị cáo là tương đương nhau, nên cần phạt các bị cáo mức án tương ứng với vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù không thời hạn do pháp luật quy định đối với cả ba bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị áp dụng hình phạt tù Chung thân đối với cả ba bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo về phần hình phạt đối với các bị cáo là nhẹ nên không chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Những vấn đề liên quan khác:

- Đối với người nam giới quốc tịch Lào tên là Đ1, khoảng 50 tuổi, làm nghề sửa chữa ô tô tại M – tỉnh L – Lào là người bán ma túy cho các bị cáo, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã phối hợp với cơ quan Tư pháp của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nhưng không làm rõ được nhân thân, lai lịch cụ thể nên không có đủ căn cứ để xử lý đối tượng tên Đ1 trong vụ án này.

- Đối với người phụ nữ tên T (tên gọi khác Nhài), Đức và S chỉ biết T ở phường C, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, số điện thoại T hay liên lạc với bị cáo Đ và S là 0352585880. Các bị cáo đều khai không biết rõ họ, tên, tuổi, mối quan hệ gia đình. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành xác minh địa chỉ nhưng không có kết quả. Còn số điện thoại 0352585880 qua xác minh đứng tên đăng ký của chị Nguyễn Thị D sinh năm 1979, trú quán tại Đ, T, Quảng Ninh, tuy nhiên chị D không biết N là ai. Đối với người nam giới đi cùng T (Nhài) đến TT. T - huyện T - tỉnh Vĩnh Phúc để gặp và mua ma túy của Tô Anh Đ, Ngô Hồng Q và Cao Hải S vào ngày 02/4/2019 nhưng không ai biết tên, tuổi, địa chỉ nên chưa có cơ sở để xem xét, xử lý. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiếp

tục điều tra khi nào làm rõ xử lý sau đối với đối tượng T (Nhài) và người nam giới đi cùng Nhài là phù hợp.

- Đối với Cao Hải H: H là em trai ruột của bị cáo Cao Hải S. H là người đem tiền sang Lào đưa cho S, sau đó S đã sử dụng tiền này mua ma túy đem về Việt Nam bán thì bị bắt quả tang. H chỉ mang hộ tiền mà S vay của bố mẹ S mang sang Lào cho S, H không biết S sử dụng tiền này vào việc mua ma túy. Thời điểm CQĐT bắt quả tang S, Đức, Q bán ma túy tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thì H cũng có mặt tại thị trấn T. Trước khi các đối tượng bị bắt quả tang thì S có gọi điện thoại cho H bảo H đến thị trấn T, huyện T để nhờ H đem quà về cho gia đình ở quê. H không biết việc S, Đức, Q đến thị trấn T, huyện T để bán ma túy. Hiện nay H đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Chưa đủ cơ sở để xử lý về hình sự đối với H trong vụ án này.

- Đối với Cà Thị H: H là người ở cùng S trong thời gian S, Đức, Q ở bên Lào mua ma túy để đem về Việt Nam bán. Tô Anh Đ khai rằng, Đức nghe thấy S bảo H tham gia cùng các bị cáo vận chuyển ma túy. Tuy vậy, S khai rằng S không nói như vậy, còn H thì không khai nhận gì; do đó, chưa đủ căn cứ để xác định lời khai của Đức là đúng sự thật. Ngô Hồng Q khai rằng H là người đi cùng Q theo xe ô tô khách ở bên Lào để giám sát ma túy khi Q thực hiện nhiệm vụ vận chuyển ma túy. Tuy vậy, ngoài lời khai của Q thì cũng không có chứng cứ nào khác phù hợp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc cũng không triệu tập được H để làm việc và đấu tranh làm rõ được do H vắng mặt tại địa phương, không ai biết rõ hiện H đi đâu, làm gì. Do đó đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau đối với H.

Về nguồn gốc số tiền mà các bị cáo Cao Hải S, Tô Anh Đ, Ngô Hồng Q dùng để mua số ma túy là do bố mẹ đẻ của Cao Hải S là ông Cao Xuân M và bà Cao Thị T đều đăng ký HKTT tại: Xóm 4, xã D, huyện D, tỉnh N đã vay tiền từ Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện D - tỉnh N rồi bảo Cao Hải H đem tiền sang Lào đưa cho Cao Hải S để S kinh doanh. Sau đó, S đã dùng số tiền này cùng với Đ, Q mua ma túy đem về Việt Nam bán trái phép. Tuy vậy, ông Môn, bà Tuất hoàn toàn không biết và không liên quan gì đến việc các bị cáo S, Đ, Q đã dùng số tiền đó để mua bán trái phép chất ma túy. Do vậy việc CQĐT không đề cập xử lý đối với ông M, bà T trong vụ án là phù hợp pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng và tài sản bị tạm giữ:

- Toàn bộ số ma túy (Methamphetamine) còn lại sau giám định là: 1838,5648 gam trong 01(một) hộp giấy niêm phong “Mẫu Trà” của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc; 10 (mười) hộp kim loại và phần còn lại của các túi nilon đã bị cắt phần mép khóa, để trong 01(một) hộp giấy niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc; 10 (mười) bao gói niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, bên ngoài có ghi: Mẫu tách là

các mép túi nylon được cắt ra từ các túi nylon chứa viên nén trong các hộp sắt được ký hiệu mã từ H1 đến H10 cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) chiếc USB trong 01 (một) bao gói niêm phong mẫu trả của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, là thiết bị lưu giữ dữ liệu điện tử (hình ảnh) của các bị cáo khi đến các nhà nghỉ, khách sạn ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, cần lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra xác định những đồ vật, tài sản đã thu giữ được của các bị cáo như sau:

+ 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh thu giữ của Tô Anh Đ là điện thoại di động của Cao Hải S mua sử dụng. Khi về đến T - Vĩnh Phúc, S đã đưa cho Tô Anh Đ sử dụng để Đ liên lạc, giao dịch mua bán ma túy với Thu (Nhài); 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu vàng đồng đã cũ, thu giữ của Cao Hải S; 01 (một) chiếc điện thoại di động có nhãn hiệu Mobistar vỏ màu đỏ đen đã cũ, thu giữ của Ngô Hồng Q. Số điện thoại trên các bị cáo đều sử dụng để liên lạc với nhau trong quá trình đi bán ma túy trái phép tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy cần tịch thu, bán phát mại sung công quỹ Nhà nước.

+ 01 (một) chiếc túi vải dạng ba lô màu ghi có in chữ Hoàng Hà DODA đã cũ mà Q dùng để đựng ma túy cần tịch thu, tiêu hủy.

+ 01 (một) chiếc túi vải dạng ba lô màu nâu có in chữ BIAOWANG và số tiền 190.000 đồng (Một trăm chín mươi nghìn đồng) thu giữ của Tô Anh Đ là của Đ đem đi đựng đồ cá nhân và chi tiêu trong quá trình đi bán ma túy trái phép cùng Cao Hải S và Ngô Hồng Q không liên quan đến vụ án cần trả lại cho Đức nhưng tạm giữ số tiền 190.000đ của Tô Anh Đ để đảm bảo công tác thi hành án.

+ 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu; số tiền 240.000 đồng, 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên Ngô Hồng Q; 01 (một) thẻ ATM mang tên Ngô Hồng Q của ngân hàng LAOVIET Bank; 01 (một) hộ chiếu mang tên Ngô Hồng Q; 01 (một) chiếc điện thoại Unitel vỏ màu vàng đồng đã cũ, thu giữ của Ngô Hồng Q đều là những đồ vật, tài sản của Q không liên quan đến vụ án cần trả lại cho Q nhưng tạm giữ số tiền 240.000đ để đảm bảo công tác thi hành án.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu đen đã cũ bị hỏng nguồn; 01 (một) chiếc túi xách giả da màu nâu có dây đeo; 01 (một) ví giả da màu nâu; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) giấy phép lái xe và 02 (hai) hộ chiếu đều mang tên Cao Hải S thu giữ của Cao Hải S. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án. Do vậy, cần trả lại cho bị cáo Cao Hải S.

+ 01 (một) hộ chiếu mang tên Tô Anh Đ; 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu đen đã cũ; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân và 01 (một) giấy phép lái xe đều mang tên Tô Anh Đ; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Hồng Q và 01 (một) thẻ bìa cứng ghi chữ của nước Lào thu giữ được trong túi xách giả da

màu nâu có dây đeo của Cao Hải S là những đồ vật, giấy tờ của Tô Anh Đ và Ngô Hồng Q gửi Cao Hải S giữ hộ. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án. Do vậy, cần trả lại cho bị cáo Tô Anh Đ và Ngô Hồng Q.

[7] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tô Anh Đ, Cao Hải S và Ngô Hồng Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt Tô Anh Đ tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 02/4/2019.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt Cao Hải S tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 03/4/2019.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt Ngô Hồng Q tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 02/4/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy (Methamphetamine) còn lại sau giám định là: 1838,5648 gam trong 01(một) hộp giấy niêm phong “Mẫu Trá” của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc; 10 (mười) hộp kim loại và phần còn lại của các túi nilon đã bị cắt phần mép khóa để trong 01(một) hộp giấy niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc; 10 (mười) bao gói niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, bên ngoài có ghi: Mẫu tách là các mép túi nilon được cắt ra từ các túi nilon chứa viên nén trong các hộp sắt được ký hiệu mã từ H1 đến H10.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) chiếc túi vải dạng ba lô màu ghi có in chữ Hoàng Hà DODA đã cũ mà Q dùng để đựng ma túy.

- Tịch thu, bán phát mại sung công quỹ Nhà nước: 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh thu giữ của Tô Anh Đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu vàng đồng đã cũ, thu giữ của Cao Hải S; 01 chiếc điện thoại di động có nhãn hiệu Mobistar vỏ màu đỏ đen đã cũ, thu giữ của Ngô Hồng Q.

- Trả lại cho Tô Anh Đ: 01 chiếc túi vải dạng ba lô màu nâu có in chữ BIAOWANG, 01 (một) hộ chiếu mang tên Tô Anh Đ, 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu đen đã cũ, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Tô Anh Đ, 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Tô Anh Đ và số tiền 190.000 đồng (Một trăm chín mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ số tiền 190.000đ của Tô Anh Đ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Trả lại cho Ngô Hồng Q: 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu; số tiền 240.000 đồng, 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên Ngô Hồng Q; 01 (một) thẻ ATM mang tên Ngô Hồng Q của ngân hàng LAOVIET Bank; 01 (một) hộ chiếu mang tên Ngô Hồng Q; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Hồng Q và 01 (một) thẻ bìa cứng ghi chữ của nước Lào, 01 (một) chiếc điện thoại Unitel vỏ màu vàng đồng đã cũ, nhưng tạm giữ số tiền 240.000đ của Ngô Hồng Q để đảm bảo công tác thi hành án.

- Trả lại cho Cao Hải S: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu đen đã cũ bị hỏng nguồn; 01 (một) chiếc túi xách giả da màu nâu có dây đeo; 01 (một) ví giả da màu nâu; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) giấy phép lái xe và 02 (hai) hộ chiếu đều mang tên Cao Hải S.

(Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/6/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Cục thi hành án dân sự Vĩnh Phúc).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo Tô Anh Đ, Cao Hải S và Ngô Hồng Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thái

Nguyễn Vĩnh Thành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Xuân Mai Nguyễn Văn An Nguyễn Quang Bằng

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

